**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2 MÔN TOÁN - LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Chương/ Chủ đề | Nội dung/ đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá | Tổng % điểm | Số tiết của đơn vị kiến thức |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |
| 1 | Phân số | Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số. | 2 (TN 1, 2) |  |   | 1 (TL Câu 1) |   |   |   |   | 15 | 10 |
| Các phép tính với phân số. |  |   |   |   |   | 1 (TL Câu 2a) |   |   | 10 | 5 |
| 2 | Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên | Hình có trục đối xứng. | 1 (TN 3) |   |   |   |   |   |   |   | 2.5 | 2 |
| Hình có tâm đối xứng. |  |   | 1 (TN 4) |   |   |   |   |   | 2.5 | 2 |
| 3 | Số thập phân | Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm. | 1 (TN 5) |  | 1 (TN 6) |   |   | 1 (TL Câu 2b) |   | 1 (TL Câu 3) | 25 | 15 |
| 4 | Các hình hình học cơ bản | Điểm, đường thẳng, tia. | 2 (TN 7, 8) |   |   |   |   |   |   |   | 5 | 4 |
| Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng. | 1 (TL Câu 4) |   |   |  |   |   |   |   | 10 | 6 |
| Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc. | 3 (TN, 9, 10, 11) |   |   |   |   |   |   |   | 7.5 | 5 |
| 5 | Một số yếu tố xác suất | Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản | 1 (TN 12) |  |   | 1 (TL Câu 5a) |   |   |   |   | 12.5 | 8 |
| Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản |   |   |   |   |   | 1 (TL Câu 5b) |   |   | 10 | 5 |
| **Tổng** | 11 |  | 2 | 2 |  | 3 |  | 1 | 100 | 62 |
| **Tỉ lệ %** | 35% | 25% | 30% | 10% | 100% |   |
| **Tỉ lệ chung %** | 60% | 40% |   |   |

**BẢN ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ**

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2 MÔN TOÁN - LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Chương/ Chủ đề | Nội dung/ đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức | ĐIỂM |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
|  |
| 1 | Phân số | Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số. |  Nhận biết:– Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm.– Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số.– Nhận biết được số đối của một phân số.– Nhận biết được hỗn số dương. | 2TN |   |   |   | 1.5 |  |
| Thông hiểu:– So sánh được hai phân số cho trước. |   | 1TL |   |   |   |  |
| Các phép tính với phân số. | Vận dụng:– Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số.– Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...). |   |   | 1TL |   | 1 |  |
| 2 | Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên | Hình có trục đối xứng | Nhận biết:– Nhận biết được trục đối xứng của một hình phẳng.– Nhận biết được những hình phẳng trong thế giới tự nhiên có trục đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều). | 1TN |   |   |   | 0.25 |  |
| Hình có tâm đối xứng | Thông hiểu:– Xác định được tâm đối xứng của một hình. |   | 1TN |   |   | 0.25 |  |
| 3 | Số thập phân | Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm. | Nhận biết:– Nhận biết được số thập phân âm, số đối của một số thập phân. | 1TN |   |   |   | 0.25 |  |
| Thông hiểu:– So sánh được hai số thập phân cho trước. |   | 1TN |   |   | 0.25 |  |
| Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân.– Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân.– Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng.– Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó.– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hoá học,...). |   |   | 1TL |   | 1 |  |
| Vận dụng cao:– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm. |   |   |   | 1TL | 1 |  |
| 4 | Các hình hình học cơ bản | Điểm, đường thẳng, tia. | Nhận biết: – Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.– Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song.– Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.– Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm.– Nhận biết được khái niệm tia. | 2TN |   |   |   | 0.5 |  |
| Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng. | Nhận biết: – Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. | 1TL |   |   |   | 1 |  |
| Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc. | Nhận biết: – Nhận biết được khái niệm góc, điểm trong của góc (không đề cập đến góc lõm). – Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt).– Nhận biết được khái niệm số đo góc. | 3TN |   |   |   | 0.75 |  |
| 5 | Một số yếu tố xác suất | Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản | Nhận biết: – Làm quen với mô hình xác suất trong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản (ví dụ: ở trò chơi tung đồng xu thì mô hình xác suất gồm hai khả năng ứng với mặt xuất hiện của đồng xu, ...).  | 1TN |   |   |   | 0.25 |  |
| Thông hiểu: – Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản. |   | 1TL |   |   | 1 |  |
| Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản | Vận dụng: – Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản.  |   |   | 1TL |   | 1 |  |
| Số câu | 11 | 4 | 3 | 1 | 19 |  |
| **Tổng điểm** | 3.5 | 2.5 | 3 | 1 | **10** |  |
| **Tỉ lệ %** | **35%** | **25%** | **30%** | **10%** | **100%** |  |
| **Tỉ lệ chung %** | **60%** | **40%** | **100%** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH**TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ****QUI ĐỨC**-----------------------ĐỀ THAM KHẢO*(Đề kiểm tra có 02 trang)* | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2****MÔN TOÁN 6**Năm học 2022 - 2023Ngày kiểm tra: …/…/2023Thời gian làm bài: 60 phút (*không kể thời gian giao đề*) |

**PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM (3 điểm)**

***Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất ở mỗi câu hỏi. Mỗi câu chọn đúng được 0,25 điểm:***

**Câu 1:** Phần tô màu trong Hình 3 biểu diễn phân số nào?



|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A**. $\frac{3}{8}$ | **B**. $\frac{1}{4}$ | **C**. $\frac{3}{4}$ | **D**. $\frac{5}{8}$ |

**Câu 2:** Nhân cả tử số và mẫu số của phân số $\frac{-3}{4}$ với số nào để được phân số $\frac{-12}{16}$?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A**. 3 | **B**. -3 | **C**. -4 | **D**. 4 |

**Câu 3:** Cho các hình sau. Có bao nhiêu hình có trục đối xứng?



|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A**. 1 | **B**. 2 | **C**. 3 | **D**. 4 |

**Câu 4:** Trong các chữ cái sau, chữ cái nào có tâm đối xứng?



|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A**. 1 | **B**. 2 | **C**. 3 | **D**. 4 |

**Câu 5:** Số đối của số thập phân 19,75 là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A**. 75,19 | **B**. -19,75 | **C**. -17,95 | **D**. 15,79 |

**Câu 6:** Phân số $\frac{3}{5}$ viết dưới dạng phần trăm là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A**. 3,5% | **B**. 60% | **C**. 35% | **D**. 6% |

**Câu 7:** Quan sát hình vẽ dưới đây rồi cho biết đường thẳng n đi qua những điểm nào?



|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A**. Điểm A và B | **B**. Điểm B và D | **C**. Điểm A và C | **D**. Điểm B và C |

**Câu 8:** Các điểm nằm giữa A và C trong hình dưới đây là:



|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A**. Điểm N và B | **B**. Điểm N và D  | **C**. Điểm B và D | **D**. Điểm A và B |

**Câu 9:** Cho hình vẽ sau, chọn câu đúng:

****

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** góc xOy, đỉnh y, cạnh Ox và Oy. | **C.** góc xOy, đỉnh O, cạnh Ox và Oy. |
| **B.** góc Oxy, đỉnh O, cạnh Ox và Oy. | **D.** góc xyO, đỉnh O, cạnh Ox và Oy. |

**Câu 10:** Chọn phát biểu đúng:

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Góc có số đo 1200 là góc vuông. | **C.** Góc có số đo 900 là góc nhọn. |
| **B.** Góc có số đo 900 là góc vuông.  | **D.** Góc có số đo 1200 là góc bẹt. |

**Câu 11:** Góc trên hình có số đo là bao nhiêu độ?



|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A**. 500 | **B**. 1300 | **C**. 400 | **D**. 600 |

**Câu 12:** Trong một hộp có 7 quả bóng xanh và 2 quả bóng vàng. Bạn Nam không nhìn vào hộp, lấy ra từ hộp 3 quả bóng. Sự kiện nào sau đây là chắc chắn xảy ra?

**A.** Lấy ra được 3 quả bóng xanh.

**B.** Có ít nhất 1 quả bóng vàng được lấy ra.

**C.** Lấy ra được 2 quả bóng xanh và 1 quả bóng vàng.

**D.** Có ít nhất 1 quả bóng xanh được lấy ra.

**PHẦN 2: TỰ LUẬN (7 điểm)**

**Câu 1 (1 điểm):** Sắp xếp các số sau theo thứ tự giảm dần: $\frac{-3}{4};\frac{7}{2};0;1\frac{2}{3}$

**Câu 2 (2 điểm):** Thực hiện phép tính:

a) $25\%-\frac{5}{6}+\frac{3}{4}:\frac{9}{8}$ b) 13 . 0,75 + 3 . (-0,75)

**Câu 3 (1 điểm):** Một cửa hàng treo bảng khuyến mại như sau: nếu chỉ mua một đôi dép thì giá giữ nguyên, nếu mua hai đôi thì đôi thứ hai được giảm giá 30%, nếu mua ba đôi thì đôi thứ hai được giảm giá 30% và đôi thứ ba được giảm giá 50%. Cô Hoa mua ba đôi dép ở cửa hàng trên thì cô Hoa phải trả tất cả bao nhiêu tiền? Biết giá gốc của mỗi đôi dép là 60000 đồng.

**Câu 4 (1 điểm):** Cho đoạn thẳng AB = 8cm. Hãy vẽ điểm M sao cho M là trung điểm của đoạn thẳng AB.

**Câu 5 (2 điểm):** Bạn Vinh được biết bơi lội mang lại rất nhiều lợi ích cho cơ thể con người nên bạn Vinh dự định đi học bơi.

a) Em hãy liệt kê các kết quả có thể xảy ra khi bạn Vinh chọn một ngày trong tuần để đi học bơi.

b) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện Vinh đi học bơi vào ngày chủ nhật.

**\*\*\*HẾT\*\*\***

|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH**TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ****QUI ĐỨC**-----------------------ĐỀ THAM KHẢO | **ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2****MÔN TOÁN 6**Năm học 2022 - 2023Ngày kiểm tra: …/…/2023 |

**PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM (3 điểm)**

***Hướng dẫn chấm: Mỗi câu chọn đúng với đáp án, học sinh được 0,25 điểm.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| **Đáp án** | A | D | C | C | B | B | D | A | C | B | A | D |

**PHẦN 2: TỰ LUẬN (7 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| 1 | a) Ta có: $0>\frac{-3}{4}$ $\frac{7}{2}=\frac{21}{6}$ ; $1\frac{2}{3}=\frac{5}{3}=\frac{10}{6}$ Vì 21 > 10Nên $\frac{21}{6}>\frac{10}{6}$Hay $\frac{7}{2}>1\frac{2}{3}$Vậy $\frac{7}{2}>1\frac{2}{3}>0>\frac{-3}{4}$ | 0,250,250,250,25 |
| 2 | a) $25\%-\frac{5}{6}+\frac{3}{4}:\frac{9}{8}$= $\frac{1}{4}-\frac{5}{6}+\frac{2}{3}$= $\frac{3}{12}-\frac{10}{12}+\frac{8}{12}$= $\frac{3-10+8}{12}$= $\frac{1}{12}$ | 0,250,250,250,25 |
| b) 13 . 0,75 + 3 . (-0,75) = 9,75 + (-2,25)= 7,5 | 0,25.20,5 |
| 3 | Số tiền mua đôi dép thứ hai là:(100% - 30%).60000 = 42000 (đồng)Số tiền mua đôi dép thứ ba là:(100% - 50%).60000 = 30000 (đồng)Số tiền mua ba đôi dép là:60000 + 42000 + 30000 = 132000 (đồng)Vậy số tiền cô Hoa phải trả khi mua ba đôi dép là 132000 đồng. | 0,250,250,250,25 |
| 4 |  | 1,0 |
| 5 | a) Các kết quả có thể xảy ra là: thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, chủ nhật.b) Xác suất thực nghiệm của sự kiện Vinh đi học bơi vào ngày chủ nhật là $\frac{1}{7}$ . | 1,01,0 |

***Nếu học sinh có cách giải khác, Thầy (Cô) dựa vào biểu điểm trên để chấm.***

**\*\*\* HẾT \*\*\***